TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 3 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em.

2. Ông Nguyễn Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Nhật Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Khưu Thị Diễm H; sinh năm: 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê K, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Khưu Thị Diễm H trình bày:

- Chị Khưu Thị Diễm H và anh Lê K kết hôn vào năm 2020. Hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 01 ngày 19/02/2020. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh K thường xuyên bạo hành chị H, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ, chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Khang .

- Về con chung: Vợ, chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Minh K1, sinh ngày 01/6/2021 và cháu Lê Minh H1, sinh ngày 07/10/2022. Hiện tại cháu K1 và cháu H1 đang sống cùng với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ, chồng ông, bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê K: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn, Căn cước công dân của nguyên đơn (bản sao), Đơn xin xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh của con chung (bản sao).

Bị đơn đã giao nộp chứng cứ: Không có.

Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh ngày 06/02/2025.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Khưu Thị Diễm H và anh Lê K đăng ký kết hôn ngày 19/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vợ, chồng chị Khưu Thị Diễm H và anh Lê K có 02 (hai) con chung là cháu Lê Minh K1, sinh ngày 01/6/2021 và cháu Lê Minh H1, sinh ngày 07/10/2022.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Khưu Thị Diễm H và anh Lê Khang ly H2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Lê Minh K1, sinh ngày 01/6/2021 và cháu Lê Minh H1, sinh ngày 07/10/2022 cho chị Khưu Thị Diễm H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 (hai) con chung là cháu Lê Minh K1, sinh ngày 01/6/2021 và cháu Lê Minh H1, sinh ngày 07/10/2022 với mức cấp dưỡng 1.725.000 đồng/tháng; cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Khưu Thị Diễm H và anh Lê K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 01 ngày 19/02/2020. Xét thấy việc kết

hôn của chị H và anh K tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh K. Bị đơn anh K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó cho thấy vợ, chồng không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ. Xét thấy giữa chị H và anh K đã không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị H và anh K ly hôn.

[5] Về con chung: Vợ, chồng chị H và anh K có 02 (hai) con chung là cháu Lê Minh K1, sinh ngày 01/6/2021 và cháu Lê Minh H1, sinh ngày 07/10/2022. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu K1 và cháu H1. Xét thấy, theo Biên bản xác minh của Tòa án thì về con chung của chị H và anh K địa phương không nắm rõ nhưng theo lời trình bày của chị H thì cháu K1 và cháu Hiển hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, cha của cháu K1 và cháu H1 là anh K không thể hiện ý kiến về người đang trực tiếp nuôi con và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 (hai) con chung là cháu K1 và cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh K có nghĩa vụ, quyền của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chị H có nghĩa vụ, quyền của người trực tiếp nuôi con đối với anh K theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng cho con: Người trực tiếp nuôi con là chị H yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là anh K cấp dưỡng cho 02 con chung theo quy định của pháp luật. Do anh K không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị H nên thuộc trường hợp các bên không thoả thuận được về mức cấp dưỡng. Theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì: *"Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối*

thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Xét thấy, anh K đang cư trú tại Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Theo Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thuộc vùng IV có mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000 đồng/tháng. Do đó, mức cấp dưỡng là: 3.450.000 đồng/tháng x ½ = 1.725.000 đồng/tháng. Về phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn chị Khưu Thị Diễm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn; bị đơn anh Lê K là người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Khưu Thị Diễm H và anh Lê Khang ly H2.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Lê Minh K1, sinh ngày 01/6/2021 và cháu Lê Minh H1, sinh ngày 07/10/2022 cho chị Khưu Thị Diễm H trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Lê K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 (hai) con chung là cháu Lê Minh K1, sinh ngày 01/6/2021 và cháu Lê Minh H1, sinh ngày 07/10/2022 với mức cấp dưỡng là 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) mỗi tháng đối với mỗi con chung; cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Khưu Thị Diễm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị Khưu Thị Diễm H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008849 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Khưu Thị Diễm H không phải nộp thêm. Bị đơn anh Lê K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Võ Thị Ánh Trúc